

Bản án số:06/2020/HS-PTNCTN

Ngày: 12-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Ông Bằng Công Hiệp

- Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Thanh Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 01/2020/TLPT-HS NCTN ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo L cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 164/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. L, tên gọi khác: không; sinh năm 1988; tại huyện Đ - Thái Nguyên; trú tại: xóm 11 , xã TL, huyện Đ , tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông X và bà Y, có vợ là: Hứa T.H (đã ly hôn), vợ chồng có 01 con chung, sinh năm 2010.Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

2. H - Tên gọi khác: không; sinh năm 1996, tại thị xã P – Thái Nguyên; trú tổ dân phố 3, phường BS , thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Nguyễn V.C và bà Ngô T.D; Chưa có vợ con (theo bị cáo khai: Năm 2019 đã đăng ký kết hôn với chị Quàng T.T, sinh năm 1999; có một con sinh năm 2019); Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

3. T - Tên gọi khác: A; sinh năm 1985; tại huyện TT – TP HN; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu tập thể Z , LN, huyện TT, Thành phố HN; chỗ ở hiện nay: Khu dân cư LHP, phường BH, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Đinh V.C và bà Hồ T.X.H, Chưa có vợ con (theo bị cáo khai: Năm 2019 đã đăng ký kết hôn với chị Ngô M.H, sinh năm 1993, chưa có con); Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại khu dân cư LHP, phường BH, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

4. B, tên gọi khác: không; sinh ngày: 18 tháng 9 năm 2001, tại Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; trú tại: Tổ 14, phường T, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan B.H và bà Hoàng T.H; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

5. K, tên gọi khác: không; sinh ngày: 22 tháng 12 năm 2001; tại thị xã P – Thái Nguyên; trú tại: xóm L, xã NT , thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê X.L và bà Nguyễn T.H; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo B: Ông Phan B.H và bà Hoàng T.H– bố mẹ đẻ của bị cáo B (có mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Tổ 14, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K: Ông Lê X.L và bà Nguyễn T.H - bố mẹ đẻ của bị cáo K (có mặt ông Lê X.L , vắng mặt bà Nguyễn T.H tại phiên tòa).

Trú tại: Xóm L, xã NT, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Người bào chữa cho bị cáo B:

Bà Nguyễn T.D, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà

nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo K:

Ông Vũ V.C, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại không kháng cáo:

Anh Đ, sinh năm: 1995;

Trú tại: Xóm S, xã KS, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Anh Nguyễn N.S, Anh Trần V.V, Anh Dương M.D, Anh Hoàng V.H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2017, anh Đ đến quán Karaoke Galaxy thuộc khu dân cư HP, BH, P, Thái Nguyên do T (Tên gọi khác là A) làm chủ để hát Karaoke và có nợ lại số tiền hát là 17.000.000 đồng. T đã nhiều lần gọi điện cho anh Đ, yêu cầu anh Đ trả tiền nhưng Đ chưa trả. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 13/6/2018, T biết được thông tin Đ đến quán Karaoke Oscar thuộc khu dân cư HP, BH, thị xã P (gần quán của T) hát Karaoke nên đã gọi điện nhờ L và bảo L gọi một số anh em khác đến giúp T đến đưa anh Đ từ quán Karaoke Oscar về quán của T để T hỏi về số tiền anh Đ còn nợ T, đề phòng trong trường hợp Đ chạy trốn thì đuổi theo giữ Đ lại. Sau khi được T nhờ, L đã gọi H, B, Dương M.D, Nguyễn B.M; Trần V.V cùng đi với L. Khi L, H, B, D, M, V đến quán thì T nói với tất cả mọi người về việc Đ đang hát ở quán Karaoke OSCAR và đang nợ tiền T với số tiền khoảng gần 20.000.000 đồng. T nhờ mọi người sau khi Đ hát xong, ra về thì sẽ chặn đường giữ Đ lại, đưa về quán của T để hỏi rõ về việc trả nợ.

Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, T nhận được thông tin anh Đ hát xong và chuẩn bị ra về nên đã điều khiển xe mô tô của T đi từ quán của T sang phía quán OSCAR để chặn đường Đ. Lúc này, L, H, D, B, M, V chạy bộ theo phía sau. Khi đến cách quán Oscar khoảng 10 mét thì T thấy anh Đ đang ngồi trên xe taxi để đi về nên đã quay ngang xe máy, đỗ phía trước đầu xe taxi của anh

Đ. T bảo anh Đ xuống xe, lên xe máy để T đèo về quán của T nói chuyện, anh Đ đồng ý và tự nguyện mở cửa xe, đi xuống và ngồi lên phía sau xe mô tô do T điều khiển để cùng đi về quán GALAXY. L, H, D, B, M, V tiếp tục chạy theo sau T. Sau khi về đến quán, T và các đối tượng để anh Đ ngồi ở bàn uống nước trong quán, sau đó T bấm khóa (loại khóa điều khiển) đóng các cửa cuốn của quán lại nhằm mục đích không cho Đ bỏ chạy. T hỏi anh Đ, lý do tại sao không trả tiền nợ cho T, gọi điện thì anh Đ không nghe máy và yêu cầu Đ phải trả số tiền nợ cho T, anh Đ nói không có tiền và để anh Đ thu xếp. Khi T vừa nói xong thì L, H dùng tay, chân đâm đá vào mặt anh Đ. Sau đó L lấy 01 khẩu súng (loại súng ngắn, màu đen) ở trong túi đeo trên người ra dí sát vào vùng đầu của Đ đe dọa “Bây giờ mày có trả tiền không, mày có tin tao bắn mày không” và yêu cầu Đ phải trả nợ cho T số tiền 25.000.000 đồng, vì lo sợ anh Đ đã lấy điện thoại gọi điện cho anh S (Sinh năm 1991, trú tại: xóm VL, xã LP, PB, Thái Nguyên, là bạn chơi với Đ), bảo S mang tiền đến quán Galaxy để trả nợ cho Đ. Gọi điện cho anh S xong, Đ nói anh S ở BN chưa về được thì L, H, B tiếp tục đâm, đá và yêu cầu trong vòng 01 tiếng người nhà Đ phải mang tiền đến thì mới cho Đ về. Sau đó, L bảo với T là không phải nói chuyện với Đ nữa mà để L tiếp tục nói chuyện nên T đã đi vào quầy thanh toán tiền của quán (cách vị trí bàn uống nước khoảng 2m) ngồi chơi game. Quá trình trông giữ Đ thì L, H, B tiếp tục dùng tay, chân đâm đá Đ. B còn đe dọa Đ nếu không mang tiền đến trả thì sẽ “chặt tay, chân” của Đ. Đến khoảng gần 04 giờ cùng ngày, do lo sợ người nhà Đ đến đánh, L gọi điện cho K bảo K chuẩn bị gậy, dao, kiếm rồi mang đến quán Galaxy cất giấu ở gầm cầu thang của quán. Sau khi đến quán, K ngồi vào vị trí bàn uống nước để trông giữ Đ và dùng tay đâm vào mặt Đ 03 cái. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, do chưa thấy S mang tiền đến nên H, L, B và K tiếp tục dùng chân, tay đánh Đ. Sau đó các đối tượng H, B và L trực tiếp sử dụng điện thoại của Đ để gọi điện cho anh S yêu cầu anh S mang tiền đến trả cho Đ thì anh S gọi điện thoại cho mẹ Đ và trình báo Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Phổ Yên. Đến khoảng 05 giờ 15 phút cùng ngày, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm: 01 khẩu súng ngắn màu đen trong súng có 09 viên đạn hình tròn màu trắng, 63 viên đạn hình tròn màu trắng được đựng trong túi nilon tạm giữ của L; 01 kiếm dài 85,5cm, 01 kiếm dài 81cm, 01 dao

nhọn dài 42,3cm, 01 kiếm dài 88cm.

Tại Bản kết luận giám định số 3513 ngày 20/7/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, kết luận: *"01 khẩu súng trên súng có ký hiệu OPS-M.R.P CAL 45 và 72 viên đạn hình tròn gửi đến giám định là súng bắn bi bằng lực đẩy của hơi nén và các viên đạn bi, thuộc đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng"*.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 164/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Bị cáo L 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; bị cáo H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 54 Bộ luật hình sự: xử phạt T (tên gọi khác là A) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: B 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo K 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra còn quyết định xử lý vật chứng, trách nhiệm chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2019 bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 09/12/2019 bị cáo K kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án và hình phạt đã tuyên.

Ngày 09/12/2019 bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. và bị cáo B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 09/12/2019 bị cáo T kháng cáo với lý do: Việc đưa anh Đ về quán lúc 3 giờ 30 phút sáng ngày 13/6/2018 khi đó có người đang hát, hành vi đóng cửa là để tránh cơ quan chức năng kiểm tra, tất cả lời khai của bị cáo và bị hại đều khai bị

cáo không đánh Đ, không chỉ đạo các bị cáo đánh anh Đ, khi thấy các bị cáo đánh anh Đ thì T đã can ngăn, nhắc nhở không được đánh, không có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra, bị hại là anh Đ đã thừa nhận có lỗi trong vụ án này và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo nhân thân tốt, ông bà ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, đề nghị Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thay đổi kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh. Bị cáo K thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa, các bị cáo H và bị cáo L xin rút toàn bộ kháng cáo.

Phần kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất của vụ án, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo có kháng cáo, đã đề nghị Hội đồng chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bị cáo L và H. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo H và bị cáo L.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo K và bị cáo B, giữ nguyên mức hình phạt tù, chuyển biện pháp cải tạo cho bị cáo K 24 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo B 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo K và B tranh luận nhất trí với kết luận của viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K và B được cải tạo tại địa phương. Các bị cáo K và B không tranh luận.

Bị cáo T tranh luận. Bị cáo T không đồng ý với bản án sơ thẩm và kết luận của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh, bị cáo không phạm tội Cướp tài sản”.

Lời nói sau cùng các bị cáo B, K thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và các bị cáo K và B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo T đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, tại phiên tòa bị cáo H và bị cáo L đã rút toàn bộ đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo L và H.

Xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với các bị cáo T, K và B.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo K và B khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như bản án sơ thẩm. Bị cáo T cho rằng bị cáo không phạm tội cướp tài sản. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo H, B, và L trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo L đều khẳng định trước khi T gọi L nhờ L gọi thêm người hỗ trợ T đến gặp anh Đ thì T đã nói với L giúp T đưa Đ về quán của T sau đó đánh dần mặt Đ để Đ sợ phải trả tiền nợ cho T. Khi L cùng H đánh Đ lúc ban đầu, L, H đã tát, đấm đá anh Đ, L dùng súng đồ chơi dí vào đầu anh Đ yêu cầu anh Đ phải trả 25 triệu cho T thì lúc đó T ngồi ngay cạnh anh Đ, T chứng kiến và không ngăn cản gì. Sau đó L có vào phòng hát một lúc rồi quay ra, L tiếp tục đánh Đ thì T nói không đánh nữa. Tại phiên tòa, các bị cáo H, B đều xác định, khi T đưa anh Đ về quán thì T có ngồi cùng anh Đ tại bàn, lúc đó có L, H đánh anh Đ còn các bị cáo không để ý T có nói gì không. Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như lời khai của người làm chứng, biên bản sự việc người có hành vi phạm tội quả tang cùng toàn bộ vật chứng đã thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp luật xác định:

Năm 2017 anh Đ đến hát và có nợ lại T số tiền 17.000.000đồng. T đã nhiều lần gọi điện cho anh Đ, yêu cầu Đ trả tiền nhưng Đ chưa trả. Khoảng 03 giờ 30 phút đến 05 giờ 15 phút ngày 13/6/2018, tại quán Karaoke Galaxy, thuộc khu dân cư LHP, phường BH, P, Thái Nguyên, T đã có hành vi dùng chìa khóa (loại khóa điều khiển) đóng các cánh cửa cuốn của quán Galaxy lại để L, H, B và K thực

hiện việc trông giữ, đánh anh Đ và yêu cầu anh Đ phải trả tiền do Đ nợ của T, cụ thể như sau:

Sau khi T đưa anh Đ về đến quán thì T đã có hành vi đóng tất cả các cửa lại và cùng các bị cáo ngồi xung quanh anh Đ và T hỏi anh Đ về việc Đ nợ tiền chưa trả cho T. Liên ngay sau đó L đã có hành vi dùng súng giả dìm vào đầu của anh Đ, trực tiếp dùng tay, chân đâm đá để buộc anh Đ phải gọi điện cho người thân mang tiền đến và tự ý đưa ra mức đòi anh Đ số tiền 25.000.000đồng, rồi trực tiếp nói chuyện với người thân của anh Đ với mục đích buộc người nhà anh Đ phải mang số tiền 25.000.000đồng đến. H có hành vi dùng chân tay đâm đá anh Đ để buộc anh Đ phải gọi điện thoại cho người thân mang tiền đến để trả nợ cho T, trực tiếp nói chuyện với người thân của anh Đ với mục đích buộc người thân của anh Đ mang số tiền 25.000.000đồng đến. B tiếp nhận ý chí của L về việc L đòi anh Đ phải mang 25.000.000đồng. B tiếp nhận ý chí của L về việc đòi nợ tiền của anh Đ, B có hành vi dùng chân, tay đâm đá để buộc anh Đ phải gọi điện cho người thân mang 25.000.000 đồng đến. Quá trình anh Đ gọi điện thoại B có mặt và biết rõ việc anh Đ gọi điện thoại bảo người nhà mang tiền đến để trả cho T, B còn đe dọa anh Đ nếu không mang tiền đến trả thì sẽ “chặt tay, chân” của anh Đ. K là người đến sau cùng, mặc dù khi đến nơi lúc đầu bị cáo chưa biết sự việc nhưng K tiếp nhận ý chí của các bị cáo khác và dùng tay chân tham gia đánh anh Đ 3 cái, để anh Đ tiếp tục phải gọi điện cho người thân mang tiền đến trả cho T và K ngồi trông giữ anh Đ cho đến khi Công an đến. Hành vi của K là dùng ngay tức khắc vũ lực, nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Đ. Việc các bị cáo không lấy được tiền của anh Đ nằm ngoài ý muốn của các bị cáo.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo T, B và K về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo đối với bị cáo T. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo T là người khởi sự, bị cáo đã nhờ bị cáo L gọi thêm người đến đưa anh Đ về quán của T, sau đó tại nơi ở của mình đã đóng cửa lại để cho các bị cáo khác thực hiện hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc đánh, ép anh Đ trả tiền. Bị cáo L, H trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực như đe dọa, đánh, dìm súng dọa bắn bị hại yêu cầu anh Đ phải gọi người nhà đến trả tiền. T biết việc L, H, B đánh đe dọa anh Đ lúc đầu T không can ngăn và sau đó có can ngăn nhưng không tích cực và để

mặc cho các bị cáo L và H thực hiện hành vi đánh, đe dọa anh Đ phải trả tiền ngay tại quán Karaoke của T. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội và vai trò phạm tội của bị cáo trong vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo T (tên gọi khác là A) 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng tội, không oan, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo T. Kháng cáo của bị cáo T đề nghị xem xét lại tội danh là không có căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phần liên quan đến bị cáo T.

Xét kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của các bị cáo K, B, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo K và bị cáo B đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo B sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, các bị cáo đều được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo K, B không phải là người khởi xướng, cầm đầu và có vai trò thứ yếu. Các bị cáo B và K khi phạm tội là người dưới 18 tuổi (B 16 tuổi, 8 tháng 25 ngày, bị cáo K 16 tuổi 5 tháng 22 ngày). Về nhận thức, hiểu biết pháp luật còn chưa đầy đủ, khi xét xử, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 91 và mức hình phạt tù có thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo K, B mỗi bị cáo 24 tháng tù giam là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, các bị cáo B và K có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, với mức độ tham gia của bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Xét cho các bị cáo K, B được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo K và B tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo L, H, K, B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo T đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội Đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo L, H.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo T theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 164/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo B và K. Sửa bản án sơ thẩm 164/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58, 54 Bộ luật hình sự: xử phạt T (tên gọi khác là A) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: B 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Cướp tài sản”. Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân phường TĐ, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo K 24 (hai mươi bốn)

tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Cướp tài sản”. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã NT, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí.

Các bị cáo L, H, B và K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo T đã nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P theo biên lai thu số 0006629 ngày 09/12/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN, Sở TP
- TAND thị xã P
- Công an thị xã P
- THADS thị xã P
- THA hình sự,
- Bị cáo (theo địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương